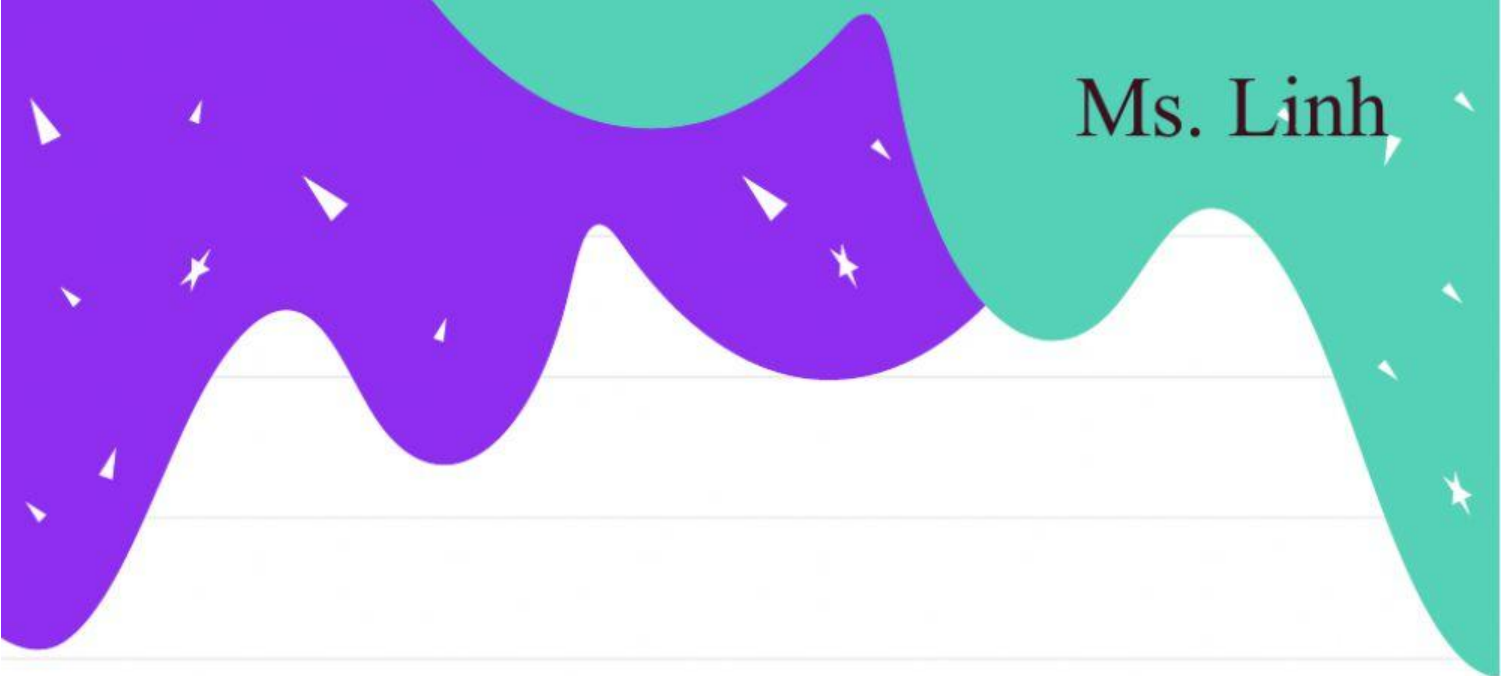
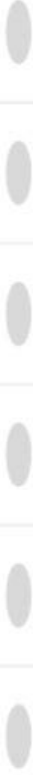




Ms. Linh



MODULE 9

MODULE 9: PHRASE & CLAUSE

I. CỤM TỪ VÀ MỆNH ĐỀ CHỈ SỰ NHƯỢNG BỘ (ALTHOUGH/ IN SPITE OF)

1. Cụm từ chỉ sự nhượng bộ (Phrases of concession) In spite of / Despite + Danh từ Ngữ danh từ V-ing Ex: - Despite his laziness, he passed the exam.	1. Mệnh đề trạng ngữ chỉ sự nhượng bộ (Adverbial clauses of Concession) Although / Even though / Though + S + V Despite the fact that In spite of the fact that Ex: - Although <u>he was lazy</u> , he passed the exam.
--	--

II. CỤM TỪ VÀ MỆNH ĐỀ CHỈ LÝ DO (BECAUSE / BECAUSE OF....) : BỞI VÌ

1. Cụm từ chỉ lý do (Phrases of reason) Because of + Danh từ Due to Ngữ danh từ Owing to V-ing	2. Mệnh đề trạng ngữ chỉ lý do (Adverbial clauses of reason) Because / As / Since + S + V, S + V due to the fact that owing to the fact that
---	---

III. PHRASES AND CLAUSES OF PURPOSE (CỤM TỪ VÀ MỆNH ĐỀ CHỈ MỤC ĐÍCH)

1. Cụm từ chỉ mục đích (Phrases of purpose) (not) in order (not) + to + V₁ (để mà/ để mà ko) so as (not)	2. Mệnh đề trạng ngữ chỉ mục đích (Adverbial clauses of purpose) so that will /would S + V in order that + S + can / could + V₁ may / might
--	--

Lưu ý : Nếu chủ ngữ của mệnh đề chính và mệnh đề chỉ mục đích khác nhau ta không được dùng cụm từ chỉ mục đích (phrase of purpose).

IV. CỤM TỪ VÀ MỆNH ĐỀ CHỈ KẾT QUẢ

1. Cụm từ chỉ kết quả (phrases of result) a) too....to: quá ...không thể S + V + too + adj / adv + To-V S + V + too + adj / adv + for O + To-V	b) enough : đủ....để S + be + adj + enough + (for O) + to V₁ S + V + enough + N + (for O) + to V₁
2. Mệnh đề trạng ngữ chỉ kết quả (Adverbial clauses off result) a) so....that S + V + so + adj / adv + that + S + V S + V + so + adj + a + Nít + that + S + V S + V + so + many /few + Nnhiều + that + S + V S + V + so + much / little + N kđđ + that + S + V	b) such...that S + V + such + a / an + adj + Nít + that + S + V S + V + such + adj + N nhiều + that + S + V S + V + such + adj + N kđđ + that + S + V

No matter + who/ what/ when/ where/ why/ how (adj, adv) + S + V

Whatever (+ N) + S + V Adj / adv + as / though + S + V

However + Adj / Adv + S + V Despite = in spite of + NP

Although / though / eventhough + Clause

CLAUSES OF MANNER WITH (MỆNH ĐỀ CHỈ THỂ CÁCH)

➤ AS (như là), AS IF & AS THOUGH (như thể là)

1. Điều không có thật ở hiện tại S + V + as if/ as though + S + V2/Ved Lưu ý: "were" có thể dùng cho tất cả các chủ từ ở MĐ giả định.	Ex1: She dresses as if she was/were an actress. Ex2: He talks as though he knew where she was.
2. Điều không có thật ở quá khứ S + V_{qk} + as if/ as though + S + had + V3/ved	Ex: He talked about New York as though he had been there before.

➤ Would rather

1. Giả thiết ở HT hoặc TL: S1 + would rather that + S2 + V2/ed	Ex1: Mary's husband doesn't work in the same office as she does. => Mary would rather that her husband worked in the same office as she does.
2. Giả thiết ở Quá Khứ: S1 + would rather that + S2 + had + V3/V-ed	Ex2: Her husband didn't go to the office yesterday. => She would rather that her husband had gone to the office yesterday.



A series of horizontal lines for writing, with a grey oval marker on the left side of each line.